

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/10/2019
v/v Kiện xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Giao
2. Ông Nguyễn Hưng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi là Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 450/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc “Kiện xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2019/QĐXX - ST ngày 13/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Tiến M (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 291/6/12 PBC, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Ánh T (vắng mặt)

Địa chỉ: 291/6/12 PBC, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Phạm Tiến M trình bày:

Tôi và cô Phạm Thị Ánh T đã chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/5/2014 tại UBND phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc, chúng tôi sống ly

thân nhau từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa tôi có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Phạm Thị Ánh T.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Phạm Gia B, sinh ngày 5/7/2015. Hiện nay cháu đang ở với tôi. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Phạm Gia B cho đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Phạm Thị Ánh T cố tình lẩn tránh, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho chị Phạm Thị Ánh T theo đúng trình tự tố tụng dân sự, nhưng chị Phạm Thị Ánh T đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tiến M và chị Phạm Thị Ánh T đã chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/5/2014 tại UBND phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống anh M cho biết vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và không tôn trọng lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Mạnh có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Phạm Thị Ánh T.

Qua kết quả xác minh tại địa phương cho biết vợ chồng anh Phạm Tiến M và chị Phạm Thị Ánh T có đăng ký kết hôn tại phường Tân Tiến, TP Buôn Ma Thuột vợ chồng có một con chung, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thường xuyên và đã được địa phương hoà giải nhưng không thành, nay Anh Phạm Tiến M xin ly hôn chị Phạm Thị Ánh T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng anh Phạm Tiến M và chị Phạm Thị Ánh T không còn nữa, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau đã sống ly thân, nguyện vọng của anh Phạm Tiến M xin ly hôn chị Phạm Thị Ánh T là phù hợp theo điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng anh Phạm Tiến M và chị Phạm Thị Ánh T có một con chung Phạm Gia B, sinh ngày 5/7/2015. Hiện nay cháu đang được anh M chăm sóc, nuôi dưỡng, nguyện vọng của anh M được nuôi con chung do đó cần chấp nhận yêu cầu của anh M giao là cháu Phạm Gia B cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Chị Phạm Thị Ánh T được quyền đi lại thăm nom con chung, quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con anh Phạm Tiến M không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: anh Phạm Tiến M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình, điều 27 nghị quyết của UBTVQH số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh Phạm Tiến M. Anh Phạm Tiến M được ly hôn với chị Phạm Thị Ánh T.

Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Phạm Gia B, sinh ngày 05/7/2015 cho anh Phạm Tiến M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Phạm Thị Ánh T được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Anh Phạm Tiến M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0001642 ngày 3/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP.BMT;
- UBND P. Tân Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Kiên